TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HNGĐ-PT

Ngày 14 - 12 - 2017

V/v Tranh chấp chia tài sản

sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Doãn Đình Quyến.
Các Thẩm phán: Ông: Trịnh Văn Toàn.
Bà: Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà: Lê Thị Thê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2017/TLPT- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017, về việc chia tài sản sau ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 153/2017/HNGĐ-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2017/QĐ- PT ngày 29/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thanh P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thanh K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số Đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Ngọc N, Luật sư văn phòng luật sư Thanh N- Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Hồng V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Đường D, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Thành N1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đường G, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk(Có mặt)

3. Người kháng cáo: Ông Lê Thanh K – là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Dương Thị Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Dương Thị Thanh P và người đại diện theo ủy quyền của bà P là ông Lê Thanh K trình bày:

Bà Dương Thị Thanh P và ông Trần Hồng V là vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B ngày 21/11/2006. Do mâu thuẫn vợ chồng nên hai bên xin ly hôn, tại Quyết định số 313/2014/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã công nhận sự thuận tình ly hôn, về tài sản chung ông bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống vợ chồng ông, bà tạo lập được một số tài sản chung gồm: Một xe ô tô tải nhãn hiệu DONGFENG biển số đăng ký 48L – 1621; một ô tô tải nhãn hiệu DONGFENG biển số đăng ký 48L - 1624 và 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DONGFENG, biển số đăng ký 48L – 1349, hiện nay toàn bộ các tài sản trên do ông Trần Hồng V đăng ký chủ sở hữu và ông V đang quản lý sử dụng. Do hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung, nên bà P yêu cầu Tòa án chia 03 chiếc xe nói trên theo quy định của pháp luật.

Bà P xác định chữ ký tại hợp đồng mua bán chiếc xe mang biển kiểm soát 48L - 1349 giữa vợ chồng ông Trần Hồng V, bà Dương Thị Thanh P với ông Nguyễn Phi H1 không phải là chữ ký và chữ viết của bà P, bà đề nghị Tòa án giám định chữ ký để làm rõ sự thật.

Bị đơn ông Trần Hồng V và người đại diện theo ủy quyền của ông V là ông Lê Thành N1 trình bày:

Ba chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 48L - 1349, 48L - 1621 và 48L - 1624 đứng tên ông Trần Hồng V là tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, 03 chiếc xe này vợ chồng ông V, bà P đã mua và bán trong thời kỳ hôn nhân. Nguồn gốc số tiền để mua 03 xe ô tô trên không phải là tiền của ông V và bà P mà là số tiền do mượn tài sản thế chấp để vay được vốn ở ngân hàng là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha mẹ ông V, số tiền bán 03 xe đã được sử dụng vào chi phí hoạt động của công ty và sinh hoạt gia đình. Nên ông V không đồng ý chia tài sản là giá trị của 03 chiếc xe mang biển số đăng ký 48L - 1349, 48L - 1621 và48L - 1624 cho bà P.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 153/2017/HNGĐ-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 33, 35 và 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 219 Bộ luật Dân sự 2005.

Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thanh P về việc chia tài sản chung sau ly hôn là 03 chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 48L-1621, 48L-1624 và 48L - 1349 trị giá 1.480.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí giám định và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2017, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Thanh K kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ bởi lẽ: 03 chiếc xe trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, việc anhV tự định đoạt ba xe trên chị P không biết, không tham gia giao dịch là vi phạm Điều 218 Bộ luật dân sự, Điều 26, Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chia cho nguyên đơn ½ giá trị tài sản là 03 chiếc xe nói trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, HĐXX, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hình thức đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được nộp trong thời hạn kháng cáo, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, do vậy đơn kháng cáo là hợp lệ cần được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo nhận thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm bác kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ, bởi lẽ: Ba chiếc xe trên được hình thành và định đoạt trong thời kỳ hôn nhân, chị P không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Thanh K, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận ông Trần Hồng V và bà Dương Thị Thanh P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2006 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ngày 11/8/2014 ông V và bà P ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 313/2014/QĐST - HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Trong quá trình sống chung thì ông V và bà P có tạo lập được một khối tài sản là 04 chiếc xe ô tô, cụ thể: Xe ô tô tải nhãn hiệu DONGFENG biển kiểm soát 48L-1621; xe ô tô tải nhãn hiệu DONGFENG biển kiểm soát 48L-1624; xe ô tô tải nhãn hiệu DONGFENG, biển kiểm soát 48L-1349 và xe ô tô tải bán cabin kép biển kiểm soát 47C-057.27. Tuy nhiên, đối với chiếc xe tải đã bán biển số 47C-057.27 bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 27/5/2014 ông V bán 02 xe (Xe ô tô tải biển kiểm soát 48L-1621 và xe ô tô tải biển kiểm soát 48L-1624) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Y với giá 1.280.000.000đ (bút lục 36 đến 40), ngày 23/6/2014 ông V, bà P tiếp tục bán xe ô tải biển kiểm soát 48L-1349 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H với giá 200.000.000đ. Như vậy, toàn bộ 03 xe ô tô tải biển kiểm xoát 48L-1349, 48L-1621, 48L-1624 đều đã được bán trong thời kì hôn nhân. Xét thấy việc mua 03 chiếc xe trên để phục vụ vào mục đích kinh doanh và nguồn tiền để mua 03 chiếc xe trên là từ vốn vay của ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, bà P không cung cấp được các chứng cứ chứng minh việc ông V bán 03 chiếc xe trên để sử dụng vào mục đích cá nhân của ông V mà không phải sử dụng vào mục đích thiết yếu của gia đình.

[2.2] Xét hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 48L-1349 giữa ông V, bà P với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H thấy rằng: Mặt dù, chữ ký tại mục "Bên A" không phải là chữ ký và chữ viết của bà Dương Thị Thanh P nhưng việc mua bán chiếc xe trên được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, bà P cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc ông V bán xe không phải để sử dụng vào mục đích thiết yếu của gia đình, căn cứ Điều 35 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và khoản 1 Điều 13 Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ thì "*Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận. Trương trường hợp vợ hoặc chồng xác lập, thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản*

chung để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì được coi như là có sự đồng ý của bên kia, trừ trường hợp quy định tịa khoản 2 Điều 35 Luật hôn nhân và gia đình". Như vậy, trong trường hợp này việc ông V bán xe được coi như có sự đồng ý của bà P. Sau khi ông V và bà P ly hôn thì ngày 06/10/2014 tại Văn phòng Công chứng tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành thỏa thuận phân chia tài sản chung là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C – 057.27 và thỏa thuận về nợ chung, bà P không có ý kiến gì về việc chia giá trị 03 chiếc xe nêu trên. Do đó, bà P cho rằng, trong thời kỳ hôn nhân ông V tự ý bán 03 chiếc xe (48L-1349, 48L-1621, 48L-1624) mà không có ý kiến của bà P và bà P không hề biết là không có căn cứ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án bà cho rằng ông V bán 03 chiếc ô tô là để sử dụng vào mục đích cá nhân nhưng bà P lại không yêu cầu Tòa án tuyên bố các giao dịch của ông V đối với 03 chiếc xe nêu trên là vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu.

[2.3] Từ các phân tích, nhận định trên HĐXX phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Lê Thanh K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 33, 35 và 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 219 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 1 Điều 13 Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biên pháp thi hành luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh K.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 153/2017/HNGĐ-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- *Tuyên xử:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thanh P về việc chia tài sản chung sau ly hôn là 03 chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 48L-1621, 48L-1624 và 48L - 1349 trị giá 1.480.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm tám mươi triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị Thanh P phải chịu 33.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 14.000.000 đồng tạm ứng án phí đã theo biên lai số AA/2013/30799 ngày 19/6/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Bà Dương Thị Thanh P còn phải nộp 19.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí giám định: Chấp nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị Thanh P chịu tiền giám định chữ ký, chữ viết là 4.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 4.000.000 đồng mà bà P đã nộp theo phiếu thu số 88 ngày 08/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Thanh K phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000543 ngày 04/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Doãn Đình Quyến